TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 635/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 650/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa:

+ Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Mi N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Mi N và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Hồ Thị Mi N và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung đăng ký tên khai sinh là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 19/4/2017. Hai bên thoả thuận giao cả hai cháu Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Hoàng N1 cho bà Hồ Thị Mi N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên thoả thuận ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Mi N và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồ Thị Mi N và ông Nguyễn Văn T, mỗi người phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng hai bên thỏa thuận bà Hồ Thị Mi N chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004392 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Bà N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường H, thành phố Huế;
(Bà N, ông T ĐKKH số 04, ngày 30/01/2008);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung